

Số 2851 /QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của  
Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;  
Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;  
Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;  
Căn cứ Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa;  
Căn cứ Thông tư số 42/2014/TT-BTC ngày 8/4/2014 của Bộ Tài chính ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;  
Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25/04/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;  
Căn cứ Thông tư số 147/2014/TT-BTC ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa;  
Căn cứ công văn số 3415-CV/TU ngày 20/11/2017 của Tỉnh ủy về việc trích kết luận số 312-KL/TU của Thường trực Tỉnh ủy về công tác tổ chức cán bộ;  
Căn cứ công văn số 246/HĐND-VP ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kiện toàn lại Quỹ Đầu tư, phát triển đất và bảo lãnh tín dụng tỉnh thành Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;  
Căn cứ Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 về ban hành Đề án tổ chức lại Quỹ Đầu tư, phát triển đất và bảo lãnh tín dụng thành Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang;  
Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 512/TTr-STC ngày 22/12/2017,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang.



**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018, thay thế Quyết định số 2663/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 về ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang; Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 06/5/2014; số 1617/QĐ-UBND ngày 15/8/2014; số 876/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh về ban hành, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Phát triển Đất và bảo lãnh tín dụng tỉnh Hà Giang.

**Điều 3.** Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Tài chính; Kế hoạch & Đầu tư; Lao động thương binh & Xã hội; Nội vụ; Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh Hà Giang; Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- KBNN tỉnh Hà Giang;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; TTTT-CB tỉnh;
- Vnptioffice
- Lưu VT, CV (KTTH3) **3**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**

**ĐIỀU LỆ**

**Tổ chức và hoạt động Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang**

*(Kèm theo Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2017  
của UBND tỉnh Hà Giang)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Điều lệ này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang (sau đây gọi tắt là Quỹ) được tổ chức lại theo Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh Hà Giang.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Bộ máy điều hành Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang.

2. Các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động của quỹ.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1. “Vốn điều lệ” là vốn ghi trong Điều lệ này.

2. “Vốn điều lệ thực có” là số vốn do chủ sở hữu cấp cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang để hoạt động.

3. “Vốn hoạt động”: là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động tại một thời điểm.

4. “Vốn chủ sở hữu” bao gồm tổng vốn điều lệ thực có, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

5. “Người có liên quan” là cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản lý, Ban giám đốc, Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của Quỹ.

6. “Quỹ” là từ được gọi tắt của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang.

7. “Người quản lý” của Quỹ bao gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát.

8. “Người lao động” của Quỹ bao gồm toàn bộ các chức danh còn lại (bao gồm cả lao động theo hợp đồng, chế độ làm việc chuyên trách hoặc không chuyên trách).

#### **Điều 4. Tên gọi, trụ sở và vốn điều lệ**

Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang được tổ chức lại theo Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh Hà Giang.

1. Tên gọi, trụ sở giao dịch:

a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang;

b) Tên giao dịch quốc tế: Ha Giang Development Investment Fund;

c) Tên viết tắt: HGDIF;

d) Địa chỉ trụ sở: Số 103, đường Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang;

e) Điện thoại: 0219.3862223; fax: 0219.3860641;

g) Email: [quydautuhg@gmail.com](mailto:quydautuhg@gmail.com)/[quydautu@hagiang.gov.vn](mailto:quydautu@hagiang.gov.vn);

h) Trang điện tử (Website): [www.qdt.hagiang.gov.vn](http://www.qdt.hagiang.gov.vn)

2. Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng ( Một trăm tỷ đồng).

#### **Điều 5. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và đại diện theo pháp luật**

1. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang là một tổ chức tài chính Nhà nước thuộc UBND tỉnh Hà Giang, thực hiện chức năng đầu tư phát triển và đầu tư tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc.

#### **Điều 6. Nguyên tắc hoạt động**

1. Quỹ là một tổ chức tài chính nhà nước hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ.

3. Hình thức trả lương, thưởng, xếp loại, xếp hạng trên cơ sở kết quả hoạt động theo quy định như đối với Công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước.

#### **Điều 7. Tổ chức bộ máy**

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang

a) Hội đồng quản lý: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên;

b) Ban Kiểm soát: Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên;

c) Bộ máy điều hành: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng chức năng.

2. Việc thay đổi lại cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ do Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan.

#### **Điều 8. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội**

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam tại Quỹ hoạt động theo các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

### **Điều 9. Trách nhiệm của UBND tỉnh**

1. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt: Đề án tổ chức và hoạt động Quỹ; Phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương hàng năm cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ; Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương.

2. Quyết định: Thành lập, tổ chức lại, giải thể Quỹ; Số lượng thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát; Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng hoặc các chức danh khác theo quy định phân cấp tổ chức cán bộ; Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu trong từng thời kỳ.

3. Quyết định phê duyệt: Đầu tư trực tiếp; Cho vay đầu tư; Góp vốn; Huy động vốn; Cho vay hợp vốn; Khoanh nợ, xóa nợ gốc cho vay đầu tư và nợ vay bắt buộc (nếu có) trong hoạt động ủy thác Bảo lãnh tín dụng.

4. Phê duyệt: Quy chế tuyển dụng lao động; Điều lệ hoạt động hoặc Điều lệ sửa đổi, bổ sung; Chiến lược hoạt động dài hạn, kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm; Báo cáo tài chính và quyết toán; Mức hoặc tỷ lệ trích lập vào các Quỹ; đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động và xếp loại, xếp hạng doanh nghiệp.

5. Thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ.

2. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

3. Bố trí đầy đủ, kịp thời: Nguồn vốn cho Quỹ đối với các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; Nguồn cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu và lãi suất do UBND tỉnh chỉ định cho vay, nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các dự án theo quy định, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## Chương II

### CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

#### Điều 11. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Hoạt động huy động vốn: Được huy động vốn trung và dài hạn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của UBND tỉnh.

2. Hoạt động đầu tư: Đầu tư trực tiếp, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục do UBND tỉnh ban hành.

3. Hoạt động uỷ thác:

a) Uỷ thác cho vay đầu tư, thu hồi nợ;

b) Nhận uỷ thác thực hiện Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa và nhận uỷ thác một số nội dung của các Quỹ tài chính nhà nước do UBND tỉnh giao.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

#### Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ

##### 1. Trách nhiệm

a) Thực hiện các hoạt động theo quy định tại Điều lệ này;

b) Sử dụng vốn chủ sở hữu, vốn nhận uỷ thác đúng mục đích, có hiệu quả, thu hồi kịp thời, đầy đủ cả nợ gốc và nợ lãi; quản lý, sử dụng và hạch toán đối với từng nguồn vốn, đảm bảo an toàn và phát triển vốn; tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro;

c) Thực hiện đúng chế độ kế toán, thông kê, báo cáo tài chính và kiểm toán độc lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật; Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo luật định;

d) Mua các loại bảo hiểm theo quy định của pháp luật;

d) Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định khác có liên quan;

g) Xây dựng các Quy chế nghiệp vụ trình Hội đồng quản lý ban hành.

##### 2. Quyền hạn

###### 2.1. Đối với hoạt động nghiệp vụ

a) Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động quy định tại Điều lệ; Lựa chọn quyết định đầu tư vào các dự án có hiệu quả phù hợp với kế hoạch và lĩnh vực đầu tư của UBND tỉnh; Pháp luật bảo hộ với tư cách là một pháp nhân trước mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến tài sản, quyền lợi và uy tín của Quỹ; Quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao, vốn huy động để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; Cử người đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn; Thuê các tổ chức, chuyên gia

tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án đầu tư trực tiếp, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp; định giá tài sản đảm bảo tiền vay;

b) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nghiệp vụ; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn cho vay, đầu tư, bảo lãnh cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư; Đình chỉ, từ chối việc đầu tư, cho vay, góp vốn, bảo lãnh, tài trợ hoặc hỗ trợ từ Quỹ; Thu hồi các khoản đầu tư trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật;

c) Xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật; yêu cầu tổ chức, cá nhân liên quan trích tài khoản của khách hàng tại các tổ chức đó;

d) Quỹ có quyền: Yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét quyết định đầu tư, cho vay, bảo lãnh; Góp vốn thành lập doanh nghiệp; Trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư của các dự án; Định giá tài sản bảo đảm tiền vay; Phân tích đánh giá và giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án; Khởi kiện theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị, cá nhân vi phạm hợp đồng với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Quỹ.

## 2.2. Trong công tác tổ chức cán bộ

a) Được tuyển chọn, thuê mướn, bổ trí, sử dụng và đào tạo cán bộ theo phân cấp của UBND tỉnh; Đề xuất hình thức trả lương, thưởng, xếp loại, xếp hạng trên cơ sở kết quả hoạt động theo quy định như đối với Công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước;

b) Được từ chối mọi yêu cầu của bất cứ tổ chức, cá nhân nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của Quỹ, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

## 2.3. Trong hoạt động phối hợp:

a) Được liên hệ với các ngành chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để lựa chọn, xây dựng các dự án đầu tư;

b) Được phối hợp, đề nghị các cơ quan liên quan hợp tác để thẩm định, xác minh dự án, phương án sản xuất kinh doanh, đầu tư, bảo lãnh, tài trợ, hỗ trợ, thu hồi nợ; phối hợp với các tổ chức tài chính, tín dụng trong việc kiểm tra giám sát, thẩm định các dự án, phương án đầu tư sản xuất kinh doanh có bảo lãnh, cho vay để xử lý kịp thời các rủi ro phát sinh;

c) Được trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận uỷ thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi, theo đúng pháp luật Việt Nam;

d) Được mời và tiếp các đối tác đầu tư, kinh doanh nước ngoài, được cử cán bộ và nhân viên của Quỹ ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

đ) Được hợp tác với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước để thực hiện cho vay hợp vốn đối với các hoạt động cho vay theo danh mục các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

### Chương III

## CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ

### MỤC 1. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

#### Điều 13. Tổ chức của Hội đồng Quản lý

1. Thành phần Hội đồng quản lý quỹ (gọi tắt là HĐQT) có tối đa 05 (năm) thành viên do UBND tỉnh quyết định:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý là Thường trực UBND tỉnh;
- Phó chủ tịch Hội đồng quản lý là Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Các thành viên khác gồm: Giám đốc (hoặc Phó Giám đốc) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng nhà nước tỉnh và Giám đốc bộ máy điều hành của Quỹ.

2. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải có kiến thức, kinh nghiệm về tài chính, đầu tư vốn, quản trị doanh nghiệp.

3. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản lý không quá 05 năm; Thành viên của HĐQT có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo quy định của pháp luật đối với cán bộ, công chức, viên chức.

#### Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản lý

##### 1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý

a) Trình UBND tỉnh quyết định:

Xem xét và thông qua phương hướng hoạt động, kế hoạch huy động vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính dài hạn, hàng năm; Thẩm tra và thông qua báo cáo quyết toán; Khung lãi suất cho vay đầu tư, mức lãi suất cho vay tối thiểu; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động; Phê duyệt phương thức tổ chức, bộ máy quản lý điều hành, Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; Phương án điều chỉnh vốn điều lệ; Ban hành danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; Quyết định việc khoan nợ, xóa nợ gốc theo quy định của pháp luật; Báo cáo xếp loại hiệu quả hoạt động; Báo cáo tài chính, quyết toán thu chi; Mức hoặc tỷ lệ trích lập các quỹ; Xếp hạng doanh nghiệp đối với Quỹ.

b) HĐQT quỹ quyết định thực hiện

Ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý và các quy chế hoạt động, nghiệp vụ của Quỹ; Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật; Xem xét, quyết định đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền; Giải quyết các khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật; Tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ; Quyết định việc đầu tư trực tiếp, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp đối với các dự án thuộc thẩm quyền; Nhiệm vụ và quyền hạn về cơ chế tiền lương, tiền thưởng theo quy định của pháp luật đối với công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước; Bổ nhiệm,



miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT; Phê duyệt quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của UBND tỉnh.

## 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng Quản lý theo quy định tại Điều lệ này; Giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý; Huỷ bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý;

b) Thay mặt HĐQT ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc cho thành viên HĐQT thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được uỷ quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT Quỹ về các công việc được uỷ quyền;

c) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

## 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên khác HĐQT.

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý;

b) Tham dự các cuộc họp, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

c) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý;

d) Yêu cầu bộ máy điều hành cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ để theo dõi, giám sát, kiểm tra.

## 4. Nghĩa vụ

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; không sử dụng thông tin hoạt động của Quỹ hoặc lợi dụng chức vụ và tài sản của Quỹ để phục vụ lợi ích nhóm, lợi ích cá nhân.

## Điều 15. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý

1. HĐQT làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của HĐQT. Khi cần thiết, HĐQT có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng ban kiểm soát, sau khi được Chủ tịch HĐQT chấp thuận.

2. Các cuộc họp của HĐQT chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số Thành viên của Hội đồng tham dự. Thành viên HĐQT vắng mặt tại cuộc họp phải thông báo lý do bằng văn bản về lý do vắng mặt. Cuộc họp do Chủ tịch HĐQT hoặc một thành viên khác được Chủ tịch uỷ quyền trong trường hợp Chủ tịch

vắng mặt làm chủ tọa. Trường hợp cấp bách không tổ chức họp, việc lấy ý kiến các Thành viên HĐQT phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các Thành viên HĐQT trước ngày họp tối thiểu 3 ngày làm việc.

4. HĐQT quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các quyết định của HĐQT có hiệu lực khi có ít nhất 60% trở lên tổng số thành viên trong Hội đồng có mặt biểu quyết tán thành. Trường hợp tỷ lệ biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo biểu quyết của người chủ tọa cuộc họp là quyết định cuối cùng. Thành viên của Hội đồng quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo với UBND tỉnh.

5. Nội dung và kết luận các cuộc họp HĐQT phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp và được tất cả các thành viên tham dự cuộc họp thông qua. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và được gửi tới các thành viên của HĐQT và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

6. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng trong thời gian chưa có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì phải chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

#### **Điều 16. Chế độ tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Hội đồng quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản lý kiêm nhiệm (hoặc chuyên trách) được hưởng thù lao (hoặc tiền lương), phụ cấp trách nhiệm áp dụng theo quy định của Nhà nước đối với Công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước.

### **MỤC 2. BAN KIỂM SOÁT QUỸ**

#### **Điều 17. Tổ chức Ban kiểm soát Quỹ**

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, trong đó: Trưởng ban chuyên trách phụ trách hoạt động của Ban kiểm soát; hai (02) thành viên kiêm nhiệm.

2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên ban kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

#### **Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ**

##### **1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát**

###### **a) Nhiệm vụ:**

- Giúp Hội đồng quản lý và UBND tỉnh thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật; Điều lệ tổ chức và hoạt động; các quy chế hoạt động và nghiệp vụ; Nghị quyết, Quyết định của UBND tỉnh và Hội đồng quản lý;

- Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật, báo cáo kết quả thẩm định tại kỳ họp của HĐQT; Lựa chọn đề xuất

đơn vị kiểm toán độc lập; Xây dựng quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình Hội đồng quản lý;

- Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho HĐQT và Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động của Quỹ theo chế độ quy định;

- Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và UBND tỉnh giao.

#### b) Quyền hạn

- Được yêu cầu cung cấp thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động và tài chính; Được tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý, của lãnh đạo Ban điều hành và các cuộc họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát (*Khi tham dự các cuộc họp, Ban kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết*); được yêu cầu tư vấn của các chuyên gia, tổ chức chuyên ngành để phục vụ công tác kiểm soát.

#### c) Nghĩa vụ

- Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và các Quyết định, Nghị quyết của UBND tỉnh và HĐQT trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, công khai, dân chủ nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trung thành với lợi ích quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của quỹ. Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động của quỹ; Không lợi dụng thông tin chức vụ tài sản của quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức cá nhân khác.

- Thực hiện nghĩa vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh và HĐQT giao.

### 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát

- Xây dựng kế hoạch công tác tháng, quý, năm; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; Đề xuất, kiến nghị thực hiện các nhiệm vụ, công việc kiểm soát của quỹ theo nhiệm vụ của Quỹ và công việc kiểm soát khác được UBND tỉnh giao; Đề xuất, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các thành viên của Ban Kiểm soát;

- Được sử dụng con dấu của Quỹ thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

### **Điều 19. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

#### 1. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

a) Là công dân Việt Nam, cư trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành, nhân viên của Quỹ; không là người có liên quan của thành viên HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ hoặc là người có liên quan của người có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh này.

c) Có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm tối thiểu 3 năm trở lên về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng.

## 2. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát quy định tại Khoản 1 Điều này; Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Có trình độ đại học trở lên trong các ngành tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng; đồng thời phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực này;

## 3. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Ban kiểm soát

a) Trưởng Ban kiểm soát do Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý. Các thành viên khác của Ban kiểm soát do Hội đồng quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

b) Thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **Điều 20. Chế độ tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát**

Trưởng ban kiểm soát và thành viên ban kiểm soát chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành của Nhà nước; Kiểm soát viên chuyên trách được hưởng chế độ phúc lợi như cán bộ quản lý Ban điều hành; Thành viên kiêm nhiệm của Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo tỷ lệ phần trăm (%) mức lương cơ bản áp dụng đối với Công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.

## **MỤC 3. BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH**

### **Điều 21. Giám đốc Quỹ**

#### 1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Quỹ

Là công dân Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm; Không phải là người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản lý, Phó Giám đốc, Thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng, thủ quỹ và không phải là người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Giám đốc Quỹ; Có sức khỏe, phẩm chất, đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng, đồng thời phải có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng hoặc đầu tư; Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện khác của UBND tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật.

#### 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Quản lý, điều hành các hoạt động và ban hành các văn bản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật; Điều lệ tổ chức, hoạt động và các Quy chế theo quyết định của Hội đồng quản lý;

b) Tham mưu, đề xuất xây dựng các văn bản trình Hội đồng quản lý ban hành các Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước UBND tỉnh và Hội đồng quản lý; ký các văn bản thuộc phạm vi điều hành của Giám đốc Quỹ;

d) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương với Hội đồng quản lý, Sở Tài chính, Ngân hàng nhà nước, UBND tỉnh và Bộ Tài chính;

đ) Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm bảo toàn phát triển vốn, tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh trưởng phòng nghiệp vụ và tương đương của Quỹ trở xuống;

g) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác do UBND tỉnh, Hội đồng quản lý ủy quyền.

h) Đại diện trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ;

3. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật đối với viên chức và phân cấp tổ chức quản lý về tổ chức cán bộ

## **Điều 22. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng**

### **1. Phó Giám đốc: Không quá 2 người**

a) Tiêu chuẩn tốt nghiệp đại học chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng đồng thời phải có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng hoặc đầu tư;

b) Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc; được Giám đốc phân công quản lý, điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản lý, UBND tỉnh và trước pháp luật về phần việc được Giám đốc phân công phụ trách. Có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo Quy chế làm việc của Quỹ.

### **2. Kế toán trưởng:**

- Tiêu chuẩn và điều kiện: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật; Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ bậc đại học trở lên, có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng; Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên;

- Trách nhiệm: Tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Giám đốc, kế toán trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật đối với viên chức và phân cấp tổ chức quản lý về tổ chức cán bộ.

## **Điều 23. Bộ phận nghiệp vụ**

1. Các phòng nghiệp vụ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ; Tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý và Lãnh đạo Quỹ phân công.

**2. Bộ phận nghiệp vụ**

a) Cơ cấu thành 04 phòng: Phòng tổ chức - Hành chính; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Tín dụng - Đầu tư; Phòng Bảo lãnh - Ủy thác;

b) Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và chế độ làm việc của các phòng nghiệp vụ thực hiện theo quy chế làm việc; Quy chế quản lý lao động và tiền lương của Quỹ do Giám đốc xây dựng trình Hội đồng quản lý phê duyệt.

3. Lãnh đạo, cán bộ nghiệp vụ các phòng do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và phân công, bố trí công việc. Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

**Chương IV**

**HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**

**MỤC 1. HUY ĐỘNG VỐN**

**Điều 24. Huy động vốn**

1. Quỹ được huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư cho các dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước, bao gồm:

a) Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước thông qua hợp đồng vay vốn. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về vay nợ nước ngoài;

b) Phát hành trái phiếu Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang theo quy định;

c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định.

2. Tổng mức huy động theo các hình thức tối đa bằng 03 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ tại cùng thời điểm.

**MỤC 2. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

**Điều 25. Đầu tư trực tiếp vào các dự án**

1. Đối tượng đầu tư trực tiếp là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn, UBND tỉnh quyết định.

**2. Điều kiện đầu tư**

a) Dự án đầu tư đã được quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Dự án đầu tư có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn.

**3. Phương thức đầu tư**

a) Quỹ có thể thực hiện đầu tư với tư cách là chủ đầu tư hoặc tham gia góp vốn với các tổ chức khác để đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

#### 4. Hình thức đầu tư:

Tùy từng điều kiện cụ thể, Quỹ đầu tư phát triển lựa chọn các hình thức đầu tư sau đây:

- a) Đầu tư theo các hình thức: hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) và các hình thức đầu tư trực tiếp khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng;
- b) Tìm kiếm dự án, thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư sau đó thực hiện đầu tư hoặc chuyển nhượng lại dự án cho chủ đầu tư khác thực hiện đầu tư;
- c) Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

5. Giới hạn đầu tư trực tiếp vào các dự án tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển (*không bao gồm vốn nhận ủy thác*).

#### 6. Thẩm quyền quyết định đầu tư trực tiếp vào các dự án:

- a) Mức vốn đầu tư trực tiếp đối với một dự án đến 5% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm quyết định đầu tư do Giám đốc Quỹ quyết định;
- b) Mức vốn đầu tư trực tiếp đối với một dự án trên 5% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm quyết định đầu tư do HĐQT Quỹ quyết định;
- c) Mức vốn đầu tư trực tiếp đối với một dự án trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm quyết định đầu tư do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

7. Trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản đầu tư trực tiếp, dự phòng các khoản phải thu khó đòi thực hiện theo quy định hiện hành áp dụng cho doanh nghiệp.

### **Điều 26. Góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế**

1. Hoạt động góp vốn thành lập doanh nghiệp: Quỹ được góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do UBND tỉnh ban hành.

2. Giới hạn đầu tư góp vốn: Đầu tư góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ (*không bao gồm vốn nhận ủy thác*).

#### 3. Thẩm quyền quyết định góp vốn thành lập một tổ chức kinh tế

- a) Mức góp vốn đối với một tổ chức đến 5% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định;
- b) Mức góp vốn đối với một tổ chức trên 5% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;
- c) Mức góp vốn đối với một tổ chức trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Người quyết định cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại tổ chức mà Quỹ góp vốn không được là người có liên quan với người được cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp đó.

## **Điều 27. Cho vay đầu tư**

1. Đối tượng cho vay: Là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh theo quy định.

### **2. Điều kiện cho vay**

a) Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp, đúng đối tượng theo quy định của pháp luật;

c) Có vốn chủ sở hữu tham gia trong quá trình thực hiện dự án tối thiểu 20% tổng số vốn đầu tư của dự án;

d) Có phương án sản xuất kinh doanh, có lãi và phương án bảo đảm trả được nợ;

đ) Mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng phải mua bảo hiểm bắt buộc tại một công ty bảo hiểm hợp pháp hoạt động tại Việt Nam;

e) Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật;

g) Chủ đầu tư là các tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

### **3. Giới hạn cho vay**

Giới hạn cho vay đối với một dự án không vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ (*không bao gồm vốn nhận ủy thác*) và không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư của dự án. Trường hợp Quỹ thực hiện đồng thời đầu tư trực tiếp và cho vay đối với một dự án thì tổng giới hạn đầu tư trực tiếp và cho vay không được vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ (*không bao gồm vốn nhận ủy thác*) tại thời điểm thực hiện. Tổng mức dư nợ cho vay và đầu tư đối với một khách hàng của quỹ không được vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ (*không bao gồm vốn nhận ủy thác*)

### **4. Thẩm quyền quyết định cho vay**

a) Giám đốc Quỹ quyết định: Mức vốn cho vay đối với một dự án dưới 5% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay, thời hạn cho vay không quá 3 năm; tổng số tiền cho vay tối đa không vượt quá 5 tỷ đồng/dự án/khách hàng;

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định: Mức vốn cho vay đối với một dự án từ 5% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay, thời hạn cho vay không quá 5 năm. Tổng số tiền cho vay tối đa không vượt quá 10 tỷ đồng/dự án/khách hàng;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay (hoặc) thời hạn cho vay trên 5 năm; Tổng số tiền cho vay trên 10 tỷ đồng/dự án/khách hàng.

### **5. Lãi suất cho vay, thời hạn cho vay, phí thẩm định hồ sơ cho vay**



a) Lãi suất cho vay được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp chi phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ, bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu. Hàng năm hoặc từng thời kỳ, bộ máy điều hành Quỹ xây dựng mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý trình UBND tỉnh phê duyệt;

b) Trường hợp Quỹ chưa thực hiện nhiệm vụ huy động vốn thì lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ bằng mức lãi suất cho vay tối đa đối với các lĩnh vực ưu tiên của các Ngân hàng thương mại do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định trong từng thời kỳ;

c) Cấp nào quyết định cho vay thì quyết định lãi suất cho vay đối với khoản vay đó nhưng phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất tối thiểu đã được UBND tỉnh phê duyệt;

d) Trường hợp UBND tỉnh quyết định cho vay dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội với lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ thì UBND tỉnh cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ và lãi suất chỉ định cho vay đối với dự án đó;

đ) Trường hợp UBND tỉnh quyết định chương trình hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với một dự án cụ thể thì phải đảm bảo các điều kiện theo quy định;

e) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Điều lệ này, thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ;

g) Thời hạn cho vay gồm: vay ngắn hạn (dưới 1 năm), vay trung hạn (từ 1 năm đến 5 năm), vay dài hạn (trên 60 tháng);

h) Phí thẩm định hồ sơ cho vay, được thu 1 lần ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị vay vốn đủ điều kiện.

## 6. Bảo đảm tiền vay

Căn cứ vào đặc điểm của từng dự án đầu tư, Quỹ lựa chọn một, một số hoặc tất cả các biện pháp bảo đảm tiền vay sau đây:

a) Cầm cố, thế chấp tài sản của chủ đầu tư;

b) Cầm cố, thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay;

c) Bảo lãnh của bên thứ ba mà tổ chức bảo lãnh hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Bảo lãnh bằng cam kết của Chủ đầu tư hoặc người có thẩm quyền quyết định đầu tư về việc bố trí kế hoạch và hoàn trả vốn.

d) Các biện pháp bảo đảm tiền vay khác phù hợp với quy định của pháp luật.

## 7. Cho vay hợp vốn

a) Quỹ được làm đầu mối cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án.

b) Trường hợp thực hiện cho vay hợp vốn đối với dự án không thuộc địa bàn tỉnh nơi Quỹ hoạt động phải được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận.

c) Việc cho vay hợp vốn phải lập thành hợp đồng và phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

d) Lãi suất cho vay hợp vốn do Quỹ và đơn vị cho vay hợp vốn tự quyết định, được thể hiện trong hợp đồng và phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của từng bên theo quy định.

**8. Quản lý rủi ro:** Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư thực hiện như các tổ chức tín dụng.

#### **9. Xử lý rủi ro cho vay**

a) Trường hợp do chính sách Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án, dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong trả nợ vay thì chủ đầu tư được xem xét gia hạn nợ, xoá nợ, giảm lãi suất tiền vay, khoan nợ.

b) Trường hợp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản mà chủ đầu tư không trả được nợ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự như sau:

- Sử dụng các nguồn tài chính của chủ đầu tư theo quy định để thu hồi nợ;
- Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có);
- Được xem xét, xoá nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

#### **c) Thẩm quyền xử lý rủi ro**

- Cấp nào quyết định cho vay thì quyết định gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa không vượt quá 1/3 thời hạn của khoản vay;
- Hội đồng quản lý quyết định việc giảm lãi, xoá nợ lãi;
- UBND tỉnh quyết định việc khoan nợ, xoá nợ gốc và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh các trường hợp quyết định xoá nợ gốc.

### **MỤC 3: NHẬN ỦY THÁC VÀ ỦY THÁC**

#### **Điều 28. Nhận ủy thác**

**1.** Quỹ được nhận ủy thác hoạt động Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nhận ủy thác các quỹ tài chính do UBND tỉnh thành lập. Mỗi hoạt động ủy thác phải được quản lý và hạch toán riêng.

**2.** Quỹ được thực hiện phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của UBND tỉnh để huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

**3.** Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác; mức phí được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng/văn bản nhận ủy thác.

#### **Điều 29. Ủy thác**

**1.** Quỹ được ủy thác thực hiện một số nhiệm vụ quy định của Điều lệ này.

**2.** Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng phí dịch vụ ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

## Chương V

### QUẢN LÝ VỐN VÀ TÀI SẢN

#### Điều 30. Quản lý vốn và tài sản

##### 1. Quản lý, sử dụng vốn của Quỹ đầu tư phát triển

a) Quỹ được sử dụng vốn hoạt động để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ này. Việc sử dụng vốn đảm bảo nguyên tắc đúng mục đích và an toàn. Chấp hành theo các quy chế nghiệp vụ đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt;

b) Quỹ được sử dụng tối đa 10% vốn chủ sở hữu khi mới thành lập để đầu tư xây dựng mới, mua sắm và sửa chữa tài sản cố định. Cụ thể:

- Giám đốc Quỹ quyết định dự án đầu tư xây dựng mới, mua sắm, sửa chữa tài sản có giá trị đến 3% vốn chủ sở hữu ghi trên báo cáo tài chính của Quỹ tại quý gần nhất;

- HĐQT Quỹ quyết định dự án đầu tư xây dựng mới, mua sắm, sửa chữa tài sản có giá trị trên 3% - 5% vốn chủ sở hữu ghi trên báo cáo tài chính của Quỹ tại quý gần nhất nhưng không quá mức dự án nhóm C theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư và xây dựng;

- UBND tỉnh quyết định dự án đầu tư xây dựng mới, mua sắm, sửa chữa tài sản có giá trị trên 5% - 10% vốn chủ sở hữu ghi trên báo cáo tài chính của Quỹ tại quý gần nhất, nhưng không quá mức dự án nhóm C theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư và xây dựng;

d) Quỹ có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn hoạt động, bao gồm:

- Quản lý, sử dụng vốn, tài sản theo quy định của pháp luật;

- Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro nghiệp vụ và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật;

- Trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định; Dự phòng rủi ro đối với hoạt động đầu tư trực tiếp, dự phòng các khoản phải thu khó đòi thực hiện theo quy định hiện hành.

đ) Tuân thủ giới hạn đầu tư trực tiếp, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ này.

##### 2. Quản lý và sử dụng vốn nhận ủy thác

a) Việc nhận vốn ủy thác phải được quy định cụ thể tại hợp đồng hoặc văn bản ủy thác, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ;

b) Vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) được hạch toán và quản lý riêng biệt;

c) Thực hiện theo quy chế được HĐQT quỹ phê duyệt.

##### 3. Quản lý và sử dụng tài sản

a) Quỹ có trách nhiệm theo dõi, quản lý tài sản cố định theo quy định của Nhà nước, thực hiện trích và phân bổ khấu hao TSCĐ theo quy định áp dụng như đối với Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Thực hiện kiểm kê, đánh giá lại tài sản cố định theo quy định hiện hành;

b) Quỹ được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật; Cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của Quỹ là cấp quyết định việc cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định;

c) Quỹ được quyền chủ động nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được; Cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của Quỹ là cấp có thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng, bán tài sản cố định;

d) Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4. Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ và nhu cầu, Giám đốc quỹ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm, sửa chữa TSCĐ cùng với kế hoạch tài chính báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét phê duyệt. Trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định, tài sản phục vụ cho hoạt động bảo lãnh thực hiện theo quy định của pháp luật.

Việc đầu tư mua sắm phương tiện đi lại phục vụ hoạt động của Quỹ áp dụng theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

#### **5. Xử lý trách nhiệm trong quản lý tài sản**

Tài sản được giao cho bộ phận và cá nhân quản lý sử dụng phải được theo dõi hạch toán theo quy định, cuối năm có đối chiếu xác nhận về chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại. Bộ phận, cá nhân nào làm mất, hư hỏng phải bồi thường.

6. Giám đốc Quỹ xây dựng quy chế quản lý tài sản trong Quy chế chi tiêu nội bộ trình Hội đồng quản lý ban hành.

### **Chương VI**

## **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN**

### **Điều 31. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán**

1. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán của Quỹ thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính cụ thể:

a) Quỹ thực hiện thu, chi, mở sổ kế toán, ghi chép chứng từ hạch toán, quyết toán thu, chi tài chính, lập báo cáo quyết toán tài chính và lưu giữ, bảo quản chứng từ, báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và các quy định của Bộ Tài chính;

b) Quỹ thực hiện công khai tài chính theo quy định về công khai tài chính đối với cơ quan nhà nước. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin công bố;

c) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu với UBND tỉnh, Bộ Tài chính và các Sở, ngành liên quan của tỉnh.

2. Quỹ tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán. Hàng năm, báo cáo tài chính của Quỹ phải được Ban kiểm soát thẩm định trước khi trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

### **Điều 32. Quản lý doanh thu**

Doanh thu của Quỹ là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ các hoạt động kinh doanh của Quỹ phù hợp với chuẩn mực kế toán doanh thu và thu nhập khác do Bộ Tài chính ban hành, bao gồm:

1. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ:

- a) Thu từ hoạt động đầu tư trực tiếp;
- b) Thu lãi cho vay vốn;
- c) Thu từ hoạt động góp vốn thành lập doanh nghiệp;
- d) Thu từ hoạt động chuyển nhượng dự án;
- đ) Thu từ hoạt động nhận ủy thác;
- e) Thu từ hoạt động phát hành trái phiếu để huy động vốn cho ngân sách địa phương theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- g) Thu từ kinh phí ngân sách nhà nước cấp, cấp bù lãi suất, hỗ trợ sau đầu tư;
- h) Thu phí thẩm định hồ sơ, dự án và các khoản thu hợp pháp từ các hoạt động nghiệp vụ khác.

2. Doanh thu từ hoạt động tài chính

- a) Thu lãi tiền gửi ngân hàng;
- b) Thu từ hoạt động cho thuê tài sản;
- c) Thu chênh lệch tỷ giá (nếu có);
- d) Thu nhập từ hoạt động tài chính khác.

3. Thu nhập khác

- a) Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản;
- b) Thu chênh lệch do đánh giá lại tài sản, bao gồm cả tài sản thế chấp, tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ khi chủ đầu tư không trả được nợ và giao cho Quỹ để trừ nợ (nếu có);
- c) Thu bảo hiểm đền bù tổn thất, tài sản; thu nợ đã xoá nay thu hồi được;
- d) Thu phạt vi phạm hợp đồng kinh tế;
- đ) Thu hoàn nhập dự phòng đối với các khoản trích lập dự phòng rủi ro thừa (số phải trích thấp hơn số đã trích) nhưng không ghi giảm chi phí theo quy định của pháp luật về trích lập dự phòng rủi ro;

e) Thu các khoản nợ phải trả nay đã mất chủ hoặc không xác định được chủ nợ được ghi tăng thu nhập;

g) Thu nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức cá nhân;

h) Các khoản thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 33. Quản lý chi phí**

Chi phí hoạt động của Quỹ là các khoản chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động của Quỹ, bao gồm:

#### **1. Chi phí hoạt động nghiệp vụ**

a) Chi trả lãi và phí nghiệp vụ phát sinh đối với các khoản vốn huy động;

b) Chi phí liên quan đến hoạt động cho vay bao gồm các hình thức: trực tiếp cho vay, ủy thác cho vay và hợp vốn cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp;

c) Chi phí liên quan đến hoạt động nhận ủy thác và chi phí ủy thác;

d) Chi phí cho hoạt động huy động vốn cho ngân sách địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có);

đ) Chi phí phát sinh trong việc thẩm định đầu tư, cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp, kiểm tra, thu hồi nợ của các dự án đầu tư, phương án đầu tư của các đối tượng được Quỹ cho vay vốn đầu tư;

e) Chi trích lập dự phòng đối với các khoản cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp và trích lập dự phòng cho các tài sản khác theo quy định của pháp luật;

g) Chi phí bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro nghiệp vụ và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật;

h) Chi bù đắp tổn thất tài sản theo quy định;

i) Chênh lệch tỷ giá (nếu có) được phép ghi nhận là chi phí theo quy định của pháp luật;

k) Các chi phí hoạt động khác.

#### **2. Chi phí quản lý**

a) Chi về tài sản gồm: khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật, chi thuê trụ sở làm việc, thuê tài sản cố định; chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; chi mua sắm công cụ, dụng cụ; chi bảo hiểm tài sản;

b) Chi phí cho cán bộ quản lý và người lao động: Chi phí tiền lương, tiền thưởng, thù lao, tiền công; các khoản đóng góp theo lương; chi phí ăn ca; chi phí trang phục, giao dịch; chi cho lao động nữ; tiền nghỉ phép hàng năm và các khoản chi phí hợp lý khác cho người lao động theo quy định của pháp luật;

c) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ: chi điện, nước, điện thoại, vật liệu, giấy in, văn phòng phẩm; chi tư vấn, kiểm toán; chi hoa hồng, đại lý môi giới, ủy thác; chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước; chi nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ; chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ; chi thưởng sáng kiến cải tiến, tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm chi phí; chi cho

công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ cơ quan; chi tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị; chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết, giao dịch, đối ngoại theo quy định của pháp luật;

d) Chi thù lao cho các thành viên kiêm nhiệm của HĐQT Quỹ, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT và các chức danh kiêm nhiệm khác (nếu có);

đ) Các chi phí quản lý khác theo quy định của pháp luật.

### 3. Chi phí khác

Các chi phí, lệ phí được ghi nhận là chi phí hợp lý theo quy định của pháp luật kế toán hiện hành.

Nội dung chi của Quỹ quy định tại điều này không bao gồm các khoản cấp vốn cho vay đầu tư, góp vốn, cấp bảo lãnh, nhận nợ vay bắt buộc.

### **Điều 34. Phân phối kết quả hoạt động**

Kết quả hoạt động là khoản chênh lệch giữa tổng các khoản phải thu và tổng các khoản phải trả hợp lý, hợp lệ. Trường hợp tổng doanh thu lớn hơn tổng số chi phí, phần chênh lệch này được phân phối theo trình tự sau:

1. Bù đắp các khoản lỗ lũy kế đến thời điểm quyết toán (nếu có);

2. Trừ các khoản tiền phạt do vi phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của Quỹ sau khi trừ đi phần bồi thường của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật;

3. Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.

4. Phần chênh lệch sau khi đã trừ các khoản quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 được trích theo thứ tự sau:

a) Trích Quỹ đầu tư phát triển tối thiểu 30%;

b) Trích lập quỹ thưởng của Ban điều hành. Mức trích gắn với kết quả xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ cụ thể:

- Quỹ xếp loại A được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện trong năm/ Quỹ lương của cán bộ quản lý điều hành Quỹ.

- Quỹ xếp loại B được trích tối đa không quá 01 tháng lương thực hiện của trong năm/Quỹ lương của cán bộ quản lý điều hành Quỹ

- Quỹ xếp loại C thì không được trích lập quỹ thưởng.

Khi được chấp thuận của UBND tỉnh, Giám đốc Quỹ xây dựng phương án sử dụng Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành trình Hội đồng quản lý quyết định và tổ chức thực hiện theo phương án được duyệt.

c) Trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi gắn với kết quả xếp loại hoạt động của Quỹ. Mức trích cụ thể như sau:

- Quỹ xếp loại A được trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện trong năm/Quỹ lương của người lao động của Quỹ cho 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi;

- Quỹ xếp loại B được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện trong năm/Quỹ lương của người lao động cho 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi;

- Quỹ xếp loại C được trích tối đa không quá 1 tháng lương thực hiện trong năm/ Quỹ lương của người lao động cho 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi;

Khi được chấp thuận của UBND tỉnh, Giám đốc Quỹ xây dựng phương án sử dụng Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành trình Hội đồng quản lý quyết định và tổ chức thực hiện theo phương án được duyệt

5. Phần chênh lệch còn lại bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển.

### **Điều 35. Sử dụng các loại quỹ được trích**

1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình hoạt động.

2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư, phát triển của cơ quan Quỹ; Trang bị tài sản và bổ sung vốn điều lệ.

3. Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành được sử dụng để thưởng hàng năm và theo nhiệm kỳ cho người quản lý Quỹ.

4. Quỹ khen thưởng được dùng để thưởng cuối năm, định kỳ hoặc đột xuất cho người lao động trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác; Thưởng theo các danh hiệu thi đua, thưởng cho các tổ chức cá nhân ngoài Quỹ có quan hệ hỗ trợ, phối hợp, chỉ đạo trong hoạt động của Quỹ.

5. Quỹ phúc lợi được dùng để chi cho các hoạt động, công trình phúc lợi công cộng của cán bộ, nhân viên, phúc lợi xã hội;

6. Việc sử dụng các Quỹ thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

Giám đốc Quỹ xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ trình Hội đồng quản lý quỹ ban hành.

## **Chương VII**

### **XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ**

#### **Điều 36. Xử lý tranh chấp**

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

#### **Điều 37. Tổ chức lại hoặc giải thể**

1. Việc tổ chức lại Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh;

2. Việc giải thể Quỹ đầu tư phát triển do UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

## **Chương VIII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 38. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các hồ sơ vay vốn, bảo lãnh tín dụng, ứng vốn đã được phê duyệt đúng thẩm quyền đang trong thời gian thực hiện dở dang thì tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc hợp đồng đã ký kết với khách hàng.



2. Đối với các hồ sơ vay vốn, bảo lãnh tín dụng, ứng vốn đang thực hiện vượt thẩm quyền phê duyệt, Ban điều hành Quỹ có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Đối với hoạt động đầu tư trực tiếp đang thực hiện dở dang thì thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

**Điều 39. Tổ chức thực hiện**

1. Điều lệ này áp dụng từ năm tài chính 2018.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phản ánh về Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**